

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

TRẦN THỊ HUỆ*

Ngày nhận bài: 25/02/2020

Ngày phản biện: 10/03/2020

Ngày đăng bài: 15/03/2020

Tóm tắt:

Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng là việc các bên thỏa thuận hoặc pháp luật quy định về các căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà theo đó bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại không bị áp dụng biện pháp khôi phục một phần hoặc toàn bộ tình trạng ban đầu về tài sản cho bên bị thiệt hại. Bài viết đề cập đến bản chất pháp lý của loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại; một số bất cập trong quy định của pháp luật đối với nội dung pháp lý này, đồng thời có đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa:

Bất cập, loại trừ trách nhiệm bồi thường, vi phạm nghĩa vụ, hợp đồng thương mại.

Abstract:

Exclusion of liability for damage caused by breach of contractual obligations is agreed upon by the parties or the law provides for grounds for eliminating liability for damage caused by which the breaching party has caused damage shall not be subject to the restoration of a part or the entire of the original condition of the property to the aggrieved party. The article mentions the legal nature of excluding liability for damages caused by breach of obligations in commercial contracts; some inadequacies of the law with regard to this legal content, and give directions for perfecting the law.

Keyword:

Inadequacies, excluding liability for compensation, breach of obligations, commercial contracts.

Dẫn nhập

Nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, hệ thống pháp luật Việt Nam đã quy định các hình thức chế tài trong dân sự và thương mại. Mỗi hình thức chế tài mang lại những hậu quả bất lợi khác nhau đối với bên vi phạm hợp đồng. Cùng với các chế tài, pháp luật cũng quy định một số trường hợp, theo đó bên vi phạm không phải gánh chịu những hậu quả bất lợi do bị áp dụng các hình thức chế tài, đó là các trường hợp loại trừ trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng.

* PGS.TS., Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội; Email: tranthihuehlu@gmail.com

Việc nghiên cứu nhằm nhận diện bản chất pháp lý của loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại là một nội dung quan trọng, góp phần cung cấp những vấn đề lý luận có giá trị cho việc nghiên cứu khoa học pháp lý và góp phần hoàn thiện pháp luật liên quan đến nhiều nội dung trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại.

1. Bản chất pháp lý của loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại

Hiệu lực của hợp đồng và vấn đề của pháp luật thừa nhận và bảo đảm cho hợp đồng thực hiện được xây dựng trên nền tảng của tự do ý chí và bày tỏ ý chí một cách tự nguyện. Các bên giao kết đã tự khoác lên mình gánh nặng và tự ràng buộc vào gánh nặng ấy để đạt được mục đích nhất định¹. Các bên tự đặt mình vào sự ràng buộc để đạt được mục đích nhất định thì phải tự nghiêm túc triển khai đúng hợp đồng trên thực tế. Do đó, mọi sự vi phạm nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ đều có thể khiến cho bên có quyền phải gánh chịu những tổn thất nhất định về vật chất hoặc tinh thần, theo đó chế tài sẽ được áp dụng. Về chế tài bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại, Luật Thương mại năm 2005 đã ghi nhận cụ thể về các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại² (có hành vi vi phạm, có thiệt hại xảy ra, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại). Đồng thời, thiệt hại được bồi thường là những thiệt hại thực tế, trực tiếp và những khoản lợi trực tiếp lẽ ra được hưởng. Để có thể được bồi thường thì người bị thiệt hại phải chứng minh tổn thất và phải chứng minh mình đã thực hiện các biện pháp phù hợp để hạn chế tổn thất. Như vậy, về cơ bản quy định của Luật Thương mại về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại có sự thống nhất với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Điểm khác biệt chỉ là ở chỗ trong Luật Thương mại năm 2005, ngay cả khi các bên chỉ thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng thì chế tài bồi thường thiệt hại vẫn được áp dụng nếu hành vi vi phạm đã gây ra thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng nói chung, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại nói riêng là loại chế tài hình thành khi hành vi vi phạm hợp đồng đã gây ra thiệt hại. Việc áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại hướng tới việc giải quyết hậu quả mà hành vi vi phạm đã gây ra. Do đó, *“Về bản chất, hình thức chế tài này là khôi phục, bù đắp những lợi ích vật chất bị mất cho bên bị vi phạm”*³.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng là hậu quả pháp lý bất lợi mà bên vi phạm nghĩa vụ phải gánh chịu khi không thực hiện, thực hiện không đúng, dẫn đến những tổn thất về vật chất hoặc tinh thần cho bên mang quyền. Việc áp dụng

¹ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật Hợp đồng - Phần chung*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.368.

² Điều 303 Luật Thương mại năm 2005.

³ Nguyễn Thị Khế (2018), *“Một số ý kiến liên quan đến các quy định về chế tài trong thương mại theo quy định của Luật Thương mại”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, số 1, tr.43-46.

trách nhiệm bồi thường luôn hướng tới việc bù đắp tổn thất mà người có quyền phải gánh chịu. Tuy nhiên, trong điều kiện và hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dẫn đến chủ thể có nghĩa vụ đã không thể thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trước chủ thể mang quyền. Để giải trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho họ, pháp luật quy định một số trường hợp, theo đó bên vi phạm không phải gánh chịu những hậu quả bất lợi do bị áp dụng các hình thức chế tài dân sự, thương mại, đó là các trường hợp loại trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng.

Hiện nay, trong các văn bản pháp luật việc sử dụng thuật ngữ “loại trừ” hay “miễn trừ” là không thống nhất. Về bản chất, việc một bên vi phạm không phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường khi có thiệt hại xảy ra trong một số trường hợp không phải là căn cứ để “miễn trừ” hoàn toàn hay một phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Cần phải hiểu rằng, mặc dù bên vi phạm nghĩa vụ đã gây thiệt hại cho chủ thể có quyền nhưng theo quy định của pháp luật hoặc các bên thỏa thuận không phát sinh trách nhiệm pháp lý (giải thoát khỏi trách nhiệm pháp lý), không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của họ, có nghĩa là trách nhiệm bồi thường thiệt hại được loại trừ (không cấu thành trách nhiệm). Tinh thần này được xác định rất rõ trong Bộ luật Dân sự Pháp: *“Việc không thể thực hiện nghĩa vụ sẽ giải phóng nghĩa vụ cho bên con nợ nếu đó là trường hợp bất khả kháng và tình trạng không thể thực hiện đó là vĩnh viễn, trừ trường hợp bên con nợ có thỏa thuận chịu trách nhiệm, hoặc đã được thông báo nhắc nhở từ trước”*⁴. Còn đối với “miễn trừ” nghĩa là trên thực tế đã xảy ra sự vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng và có gây thiệt hại, nhưng không rơi vào các trường hợp được pháp luật loại trừ trách nhiệm, được bên bị thiệt hại đã miễn cho bên kia không phải chịu trách nhiệm về vi phạm đó của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc quy định của pháp luật. *Theo đó có thể hiểu: miễn trừ là miễn cho khỏi phải chấp hành; loại trừ là loại bỏ, làm cho mất đi, không kể đến vì đã được quy định từ trước.*

Miễn trừ trách nhiệm pháp lý trong hợp đồng là việc người có quyền trong hợp đồng cho phép bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại không bị áp dụng một phần hoặc toàn bộ các chế tài nhằm khôi phục tình trạng ban đầu về tài sản và nhân thân cho bên chủ thể bị vi phạm. Bản chất của loại trừ trách nhiệm dân sự là việc bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ đáng lẽ phải gánh chịu toàn bộ và đầy đủ trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm. Tuy nhiên, vì thiệt hại xảy ra trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định mà bên vi phạm nghĩa vụ được loại trừ toàn bộ hoặc một phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó.

Từ những lý giải trên đây, có thể hiểu: Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng là việc các bên thỏa thuận hoặc pháp luật quy định về các căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà theo đó bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại không bị áp dụng biện pháp khôi phục một phần hoặc toàn bộ tình trạng ban đầu về tài sản cho bên có quyền.

⁴ Điều 1351 của Bộ luật Dân sự Pháp sửa đổi theo phê chuẩn của Luật số 2018-287 ngày 20/4/2018.

2. Một số bất cập trong quy định của pháp luật về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại.

Về nguyên tắc “*Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”. Song, bất cứ nguyên tắc nào cũng đều có những trường hợp ngoại lệ nhất định mà trong điều kiện hoàn cảnh đó, quan hệ pháp luật hoặc một chủ thể nào đó không phải tuân theo nguyên tắc luật định. Theo đó, ngoại lệ của nguyên tắc chịu trách nhiệm pháp lý chính là những quy định liên quan đến các trường hợp loại trừ trách nhiệm pháp lý cho người vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Có thể nói, pháp luật hiện hành Việt Nam đã quy định tương đối đầy đủ các vấn đề về bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng và loại trừ trách nhiệm bồi thường do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu và thực tiễn thực hiện cũng như áp dụng pháp luật về nội dung này, chúng tôi phát hiện một số bất cập sau đây:

*1. Thiếu đồng bộ về cách dùng từ, thuật ngữ và các trường hợp loại trừ.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hai trường hợp không phải chịu trách nhiệm dân sự: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền*”⁵ (được loại trừ). Trong khi đó, Luật Thương mại năm 2005 lại quy định bốn trường hợp **miễn trừ** trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng: “*Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng: Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận; b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng; c) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia; d) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng*”⁶. Bên cạnh đó, Bộ luật Lao động năm 2012 quy định một trường hợp không phải thực hiện (được loại trừ) trách nhiệm bồi thường: “*... trường hợp có hợp đồng trách nhiệm thì phải bồi thường theo hợp đồng trách nhiệm; trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh, thảm họa, sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép thì không phải bồi thường*”⁷. Như vậy, giữa quy định của Bộ luật Dân sự - Bộ luật chung cho hệ thống luật tư, với quy định của Luật Thương mại, Bộ luật Lao động năm 2012 liên quan tới vấn đề miễn trừ, loại trừ trách nhiệm trong hợp đồng không thống nhất với nhau về số trường hợp loại trừ cũng như cách dùng từ, thuật ngữ. Trong khi đồng bộ hóa luật tư ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết và quan trọng.

⁵ Khoản 2 và 3 Điều 351.

⁶ Khoản 1 Điều 294.

⁷ Khoản 1 Điều 130.

***2. Thiếu tập trung và không rõ ràng trong quy định về trường hợp loại trừ.**

“... bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng”. Mặc dù, sự kiện bất khả kháng là một trong những căn cứ loại trừ trách nhiệm pháp lý phổ biến trên thực tế. Nhưng, trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, khái niệm sự kiện bất khả kháng được quy định còn quá sơ sài, không có quy định cụ thể nào trong chế định nghĩa vụ và hợp đồng về sự kiện bất khả kháng. Khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 chỉ đặt ra quy định sự kiện bất khả kháng liên quan đến phần thời hiệu, cụ thể là để xác định thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự chứ không phải là một quy định cụ thể hoặc khái niệm cụ thể về sự kiện bất khả kháng. Luật Thương mại năm 2005, cũng không có quy định nào đề cập cụ thể về khái niệm sự kiện bất khả kháng. Tại các Điều 294, 295 và 296 Luật Thương mại năm 2005 cũng quy định về sự kiện bất khả kháng, tuy nhiên, quy định theo hướng khi có sự kiện bất khả kháng xảy ra, bên vi phạm hợp đồng phải có sự thông báo ngay cho bên kia về trường hợp loại trừ trách nhiệm trong một khoảng thời gian thích hợp, nếu không thì vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Pháp luật Việt Nam cần phải có một số sửa đổi, bổ sung về sự kiện bất khả kháng, như các tiêu chí cụ thể để xác định sự kiện bất khả kháng; Bộ luật Dân sự năm 2015 cần tách riêng quy định bất khả kháng thành một điều luật và bố trí ở phần các quy định chung mà không nên bố trí ở phần thời hạn, thời hiệu như hiện nay. Bởi lẽ, sự kiện bất khả kháng là quy định được áp dụng trong nhiều chế định từ sở hữu, nghĩa vụ, hợp đồng, bồi thường thiệt hại...

***3. Thiếu toàn diện trong quy định về trường hợp loại trừ.**

Bên có nghĩa vụ không thực hiện được nghĩa vụ hoàn toàn do lỗi của bên có quyền. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại phát sinh không dựa trên yếu tố lỗi. Điều này đã được khẳng định cụ thể trong Luật Thương mại năm 2005. Cụ thể, Điều 303 Luật này ghi nhận rằng, *“Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này, trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có đủ các yếu tố sau đây: 1. Có hành vi vi phạm hợp đồng; 2. Có thiệt hại thực tế; 3. Hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại”*. Đây cũng là một trong những điểm đặc trưng của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại so với trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng mà Bộ luật Dân sự năm 2015 đã ghi nhận. Trong Bộ luật Dân sự năm 2015, mặc dù không đề cập trực tiếp trong quy định về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, song tại Điều 364 Bộ luật Dân sự lại đề cập cụ thể về các loại lỗi do vi phạm nghĩa vụ. Việc thực hiện đúng nghĩa vụ không chỉ phụ thuộc vào bên có nghĩa vụ mà trong nhiều trường hợp còn phụ thuộc vào bên có quyền. Điều này thể hiện ở sự thiện chí của bên có quyền trong việc hỗ trợ bên có nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Mọi sự bất hợp tác của bên có quyền đều có thể khiến cho bên có nghĩa vụ gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Nếu xảy ra thiệt hại trong những trường hợp này bên có quyền hoàn toàn phải chịu trách nhiệm mà không được yêu cầu bên có nghĩa vụ gánh chịu tổn thất. Đây là quy định phù hợp, bởi vì về nguyên tắc không thể buộc một chủ thể không có lỗi phải gánh chịu trách nhiệm do lỗi của chủ thể khác gây ra.

Thực tế cho thấy, nghĩa vụ không thực hiện được còn do lỗi một phần của bên có quyền. Với trường hợp này, Tòa án chỉ loại trừ một phần trách nhiệm cho bên có nghĩa vụ. Tuy nhiên, cả Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 đều chưa ghi nhận về trường hợp lỗi hỗn hợp do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Đây là điểm chưa hợp lý vì có rất nhiều trường hợp sự vi phạm của một bên xuất phát từ lỗi của cả hai bên. Do đó, hiện nay trên thực tế mới chỉ đang áp dụng và phổ biến trường hợp lỗi thuộc về bên vi phạm hoặc lỗi thuộc về bên có quyền. Vì vậy, khi có vụ việc xảy ra trong thực tiễn về các trường hợp loại trừ trách nhiệm do bên có quyền có lỗi dẫn đến việc thiếu quy chế pháp lý để áp dụng. Nhất là trong quá trình xét xử của Tòa án không chỉ liên quan đến các vụ án được loại trừ trách nhiệm dân sự do bên có quyền có lỗi mà còn xuất phát từ lỗi của bên có nghĩa vụ sẽ dẫn đến tình trạng lúng túng trong quá trình áp dụng luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

Ngoài ra, Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại hiện hành chưa quy định cụ thể trường hợp một bên vi phạm nghĩa vụ xuất phát từ lỗi của chủ thể thứ ba mà không phải từ các bên chủ thể trong hợp đồng. Nếu xem việc một bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng do lỗi của người thứ ba là căn cứ loại trừ trách nhiệm là chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn doanh thương. Xét về bản chất, căn cứ loại trừ trách nhiệm này hoàn toàn không phù hợp với nguyên tắc chịu trách nhiệm tài sản trực tiếp giữa các bên trong quan hệ hợp đồng. Các bên tham gia quan hệ phải tự mình gánh chịu các nghĩa vụ cũng như lợi ích về mặt tài sản phát sinh từ quan hệ đó. Cần phải hiểu rằng, sự tác động của người thứ ba là những hành vi do người này thực hiện nhằm ngăn cản bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ với bên có quyền. Tức là hành vi của người thứ ba phải trực tiếp cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ.

***4. Thiếu điều kiện trong quy định về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các bên thỏa thuận.**

Xuất phát từ việc tôn trọng nguyên tắc tự do ý chí, tự do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, Luật Thương mại 2005 đã “trao” quyền chủ động cho các bên khi tham gia giao kết hợp đồng. Cụ thể, mọi nội dung của hợp đồng đều do các bên thỏa thuận; và nếu không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội thì những thỏa thuận đó đều có giá trị pháp lý, ngay cả việc các bên tự thỏa thuận trong hợp đồng những điều kiện để loại trừ trách nhiệm đối với hành vi vi phạm hợp đồng thỏa mãn các điều kiện ấy. Như vậy, pháp luật đã coi yếu tố “thỏa thuận” của các bên là một trong những căn cứ loại trừ trách nhiệm pháp lý nói chung cho bên vi phạm hợp đồng.

Có khá nhiều trường hợp, một trong các bên tham gia hợp đồng lợi dụng về điều khoản loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại để cố ý vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia. Trong khi tinh thần Điều 294 chỉ đơn giản là công nhận trường hợp miễn trách nhiệm hợp đồng đã được các bên thỏa thuận trước, bên vi phạm sẽ được giải thoát khỏi trách nhiệm của mình, bất kể sự vi phạm nghĩa vụ đó là cố ý hay vô ý, có vi phạm những điều kiện cơ bản

của hợp đồng hay không; có gây ảnh hưởng đến lợi ích của người thứ ba hay không?... Điều này có thể gây ra sự bất bình đẳng giữa các bên trong quan hệ hợp đồng dân sự cũng như thương mại. Khác với Việt Nam, trong vấn đề này, pháp luật nhiều nước đã có sự ghi nhận một cách chi tiết hơn để nhằm hạn chế hệ quả tiêu cực trên⁸. Đơn cử: “Pháp luật Anh coi thỏa thuận của các bên về trường hợp loại trừ trách nhiệm có hiệu lực pháp lý, tuy nhiên, những thỏa thuận miễn trách nhiệm do vi phạm những điều kiện cơ bản của hợp đồng thì được coi là không có hiệu lực pháp lý. Ví dụ, thỏa thuận của các bên về miễn trừ trách nhiệm của người bán do khuyết tật ẩn dấu trong hợp đồng mua bán hàng hóa không thể loại bỏ điều kiện cơ bản của hợp đồng, theo đó chất lượng của hàng hóa phải đảm bảo cho việc sử dụng cho một mục đích cụ thể, hay thỏa thuận miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại là khoản lợi đáng lẽ được hưởng không có ý nghĩa đối với những thiệt hại và hậu quả trực tiếp”. “Điều 276 Bộ luật Dân sự Đức quy định, bên vi phạm không thể được miễn trừ trách nhiệm trong tương lai do cố ý vi phạm hợp đồng. Ví dụ, trong hợp đồng mua bán hàng hóa thỏa thuận miễn trừ trách nhiệm đối với khuyết tật của hàng hóa sẽ không có hiệu lực pháp lý nếu người bán đã biết hàng hóa có khuyết tật nhưng cố tình im lặng, không thông báo cho người mua biết”.

Pháp luật Việt Nam cần phải bổ sung những điều kiện nhất định về sự thỏa thuận để đảm bảo sự tôn trọng của các bên trong hợp đồng và hạn chế việc bên có lợi thế hơn trong giao kết hợp đồng lợi dụng căn cứ loại trừ trách nhiệm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng để đặt ra những trường hợp loại trừ trách nhiệm có lợi cho mình. Điều này phù hợp với sự phát triển của pháp luật Quốc tế và thực tiễn giao kết hợp đồng của các Quốc gia. Ngoài ra, nhằm vừa đảm bảo tôn trọng sự tự do thỏa thuận giữa các bên, vừa hạn chế một bên lợi dụng căn cứ này để trốn tránh trách nhiệm hợp đồng. Theo đó, một thỏa thuận về căn cứ loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý nếu như nó không phải là vi phạm do cố ý; thỏa thuận mà không ảnh hưởng tới lợi ích của bên thứ ba.

***5. Thiếu dự liệu trong quy định về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do phải thực hiện quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.**

Quyết định của cơ quan nhà nước sẽ là “mệnh lệnh”, được ban hành bởi các chủ thể quản lý của nhà nước theo một thể thức nhất định nhằm thực hiện một mục đích hoặc một công việc nào đó. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là kết quả của một hoạt động nhất định, mang tính quyền lực nhà nước, buộc cá nhân, tổ chức phải có trách nhiệm tuân theo.

Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp hành vi vi phạm hợp đồng của một bên là do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng là một căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại”. Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 thiếu đồng bộ trong quy định về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do thực

⁸ Điều 276 Bộ luật Dân sự Đức; Điều 40; khoản 2 Điều 43 Công ước Viên 1980; Điều 1356 của Bộ luật Dân sự Pháp sửa đổi theo phê chuẩn của Luật số 2018-287 ngày 20/4/2018.

hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp này chỉ được dự liệu trong Luật Thương mại, không được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, về nguyên tắc khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến hệ quả không thể thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ được loại trừ trách nhiệm dân sự. Đồng thời, quy định của pháp luật hiện hành không quy định rõ những trách nhiệm nào sẽ được loại trừ; phần chung về hợp đồng thương mại hay nghĩa vụ dân sự cũng không thể hiện rõ mức thiệt hại nào thì bên có nghĩa vụ sẽ được loại trừ; không có quy định hướng dẫn cụ thể cơ quan quản lý Nhà nước trong trường hợp này ra quyết định nhằm mục đích gì; những điều kiện cụ thể để một quyết định có thể trở thành căn cứ loại trừ trách nhiệm cho bên vi phạm hợp đồng. Nếu việc thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước gây thiệt hại cho các bên trong quan hệ hợp đồng thì cần có cơ chế phù hợp đảm bảo lợi ích của cả hai bên trong quan hệ hợp đồng. Qua nghiên cứu và quan sát các hoạt động thực tiễn, có thể đưa ra các trường hợp được loại trừ trách nhiệm do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đó là:

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền tác động trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng, khiến đối tượng trong hợp đồng không còn.

- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thay đổi chủ thể hợp đồng, làm hai bên không thể đạt được mục đích như khi giao kết hợp đồng.

Luật Thương mại năm 2005 cần đưa ra các điều kiện để một bên được loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, quy định phải thỏa mãn những điều kiện: (i) Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên không biết và không thể lường trước được quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (ii) Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm hợp đồng của một bên mà họ không có cách thức thực hiện khác và không thể khắc phục được.

3. Kết luận

Pháp luật về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay Pháp luật của Việt Nam về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng còn tản mạn, chưa toàn diện và không đồng bộ. Việc nghiên cứu, luận bàn, trao đổi nhằm phát hiện những điểm bất cập trong quy định của pháp luật để có hướng hoàn thiện là hết sức cần thiết./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thương mại năm 2005.
2. Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Bộ luật Lao động năm 2012.

4. Bộ luật Dân sự Pháp sửa đổi theo phê chuẩn của Luật số 2018-287 ngày 20/4/2018.
5. Bộ luật Dân sự Đức; Công ước Viên 1980.
6. Nguyễn Thị Khế (2018), “*Một số ý kiến liên quan đến các quy định về chế tài trong thương mại theo quy định của Luật Thương mại*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, số 1.
7. Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật Hợp đồng - Phần chung*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.